TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 509/2025/DS-ST
Ngày:18/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thị Vân Hương.**

*Các Hội thẩm nhân dân:***1. Bà Phan Thị Dòn.**

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành Phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 401/2025/TLST-DS ngày 20/5/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXST-DS ngày 21/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2025/QĐST-DS ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1).***

Địa chỉ: Lầu A, số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức danh: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của bà D là bà Lê Thị Thu H – Chức danh: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người được uỷ quyền lại là ông Dương Văn Tâm

Địa chỉ: 278 N, Phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2024)

2. Bị đơn: Ông Phạm Sơn H1, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: B Tổ A, Ấp B, Xã V, huyện B (cũ) nay là xã V, Thành Phố Hồ Chí Minh.

(Ông Dương Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên Tòa, ông Phạm Sơn H1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Văn T trình bày:

Ngày17/10/2022, ôngHà có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40,000,000với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ôngHà đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 60,398,500 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ôngHà đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33,773,770 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ôngHà vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ôngHà vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 25/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 18/9/2025 ông H1 còn các khoản nợ sau:

- Dư nợ gốc : 36,282,000 đồng
- Lãi quá hạn : 34.275.998 đồng

Tổng cộng là 70.557.998 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ôngSơn H1:

Buộc GIOI_TINH" ôngPhạm Sơn Hà phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/9/2025 là 70.557.998 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) trong đó:

- Dư nợ gốc : 36,282,000 đồng
- Lãi quá hạn : 34.275.998 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Phạm Sơn H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Ông Phạm Sơn H1 thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2022 do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo địa chỉ tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của ông Phạm Sơn H1 đã ghi thông tin địa chỉ ở hiện tại là B3/42D Tổ A, Ấp B, Xã V, huyện B (cũ) nay là xã V, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông Phạm Sơn H1 theo địa chỉ ông H1 cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2022. Ngoài địa chỉ ghi trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thì Ngân hàng thương mại cổ phần S khẳng định không biết địa chỉ nào khác của ông Phạm Sơn H1. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì việc ông H1 thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần S biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định chung. Do bị đơn ông Phạm Sơn H1 có nơi cư trú tại xã V, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Sơn H1 vắng mặt tại toà không lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2022 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Phạm Sơn H1 nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đi với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông H1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn ông Phạm Sơn H1 là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2022 về việc cấp thẻ tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Phạm Sơn H1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ thẻ tính đến ngày 18/9/2025 là 70.557.998 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) trong đó:

- Dư nợ gốc : 36.282.000 đồng
- Lãi quá hạn : 34.275.998 đồng

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2022 thể hiện nội dung ông Phạm Sơn H1 đề nghị cấp thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa Platinum, hạn mức tín dụng được duyệt là 40.000.000 đồng, số thẻ: 4364-1667. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 33.773.770 đồng. Thứ tự thanh toán theo quy định Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 31/10/2024 do Ngân hàng cung cấp thể hiện kỳ thanh toán cuối cùng của ông H1 là vào ngày 25/9/2023, sau đó ông H1 không tiếp tục thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 25/9/2023 cho đến nay. Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên từ ngày 25/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ gốc là 36.282.000 đồng và áp dụng lãi suất quá hạn (3.72% là phù hợp với quy định tại Điều 13 và Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[7] Tại khoản 18.2 Điều 18 và Điều 19 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (có hiệu lực từ ngày 29/11/2019) quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, theo đó, chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo thông báo của Ngân hàng. Xét thấy, ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1 thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 31/10/2024, là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông H1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 36.282.000 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 18/9/2025 là 34.275.998 đồng

và lãi phát sinh từ ngày 19/9/2025 cho đến khi ông H1 trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Ông Phạm Sơn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 70.557.998 đồng = 3.527.900 đồng (Ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm) đồng.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Phạm Sơn H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Sơn H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 18/9/2025 là 70.557.998 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng), trong đó:

- Dư nợ gốc : 36.282.000 đồng
- Lãi quá hạn : 34.275.998 đồng

Kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà

các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2022 (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phạm Sơn H1 phải chịu 3.527.900 đồng (Ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.365 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn, ba trăm sáu bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052505 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 –TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vân Hương